

XÂY DỰNG NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA MINH BẠCH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN CỦA QUỐC HỘI

ThS. HỒ THỊ HƯƠNG

NCS. Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Chất vấn; Quốc hội; minh bạch; quản trị quốc gia.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng : 20/11/2025

Tóm tắt:

Bài viết phân tích cơ sở lý luận về tính minh bạch trong nền quản trị quốc gia và lý luận về hoạt động chất vấn của Quốc hội, khảo sát thực tiễn hoạt động chất vấn ở Việt Nam và những tác động đối với tính minh bạch, đồng thời nhận diện các thách thức, hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất vấn, qua đó thúc đẩy minh bạch trong quản trị nhà nước.

Article Information:

Keywords: Interpellation; national assembly; transparency; national governance.

Article History:

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 20 Nov. 2025

Abstract:

This article analyzes the theoretical basis of transparency in national governance and the theory of parliamentary interpellation activities. It surveys the practical application of interpellation activities in Vietnam and their impacts on transparency, concurrently identifying existing challenges and limitations, and proposing solutions to enhance the effectiveness of interpellation, thereby promoting transparency in state governance.

1. Đặt vấn đề

Minh bạch là một đặc trưng cốt lõi của quản trị quốc gia hiện đại, gắn liền với yêu cầu công khai thông tin, bảo đảm trách nhiệm giải trình và phòng ngừa tham nhũng. Trong bối cảnh đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam, minh bạch được xác định là tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa nguyên tắc minh bạch vẫn còn gặp nhiều hạn chế do cơ chế giám sát quyền lực chưa thật sự hiệu quả và thiếu tính ràng buộc trách nhiệm cá nhân.

Với chức năng giám sát tối cao, Quốc hội có vị trí trung tâm trong việc bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành pháp. Trong các công cụ giám sát

hiện hành, hoạt động chất vấn nổi lên như một cơ chế đặc thù thể hiện quyền kiểm soát quyền lực nhà nước của cơ quan lập pháp. Thông qua việc đặt câu hỏi và yêu cầu trả lời công khai trước Quốc hội, cử tri, chất vấn tạo ra kênh truyền thông chính thức giúp công chúng tiếp cận thông tin và đánh giá năng lực điều hành của các thành viên Chính phủ.

Từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX đến nay, hoạt động chất vấn tại nghị trường đã có nhiều đổi mới, hướng tới tăng tính công khai, tranh luận và tương tác. Các phiên chất vấn được truyền hình trực tiếp không chỉ thể hiện tính dân chủ nghị trường mà còn góp phần hình thành văn hóa giải trình trong bộ máy hành pháp. Tuy nhiên, hoạt động chất vấn

tại nghị trường vẫn còn một số hạn chế như: phạm vi chất vấn còn hẹp, câu trả lời đôi khi thiếu chiều sâu; cơ chế giám sát sau chất vấn chưa thực sự phát huy hiệu quả.

Những thực tế trên đặt ra câu hỏi nghiên cứu trung tâm: hoạt động chất vấn của Quốc hội Việt Nam đã và đang góp phần như thế nào vào việc xây dựng nền quản trị quốc gia minh bạch? Để trả lời câu hỏi đó, bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của cơ chế chất vấn, đánh giá vai trò của nó đối với việc tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động chất vấn trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý luận về chất vấn của Quốc hội và tính minh bạch trong Nhà nước pháp quyền

2.1. Khái niệm và nội hàm của minh bạch trong quản trị quốc gia

Minh bạch (transparency) là một giá trị cốt lõi của quản trị hiện đại, phản ánh mức độ công khai, rõ ràng và khả năng tiếp cận thông tin của công dân đối với hoạt động của Nhà nước¹. Theo Ngân hàng thế giới, minh bạch là việc làm cho các quy trình, thông tin và dữ liệu của cơ quan công quyền trở nên sẵn có và có thể tiếp cận. Đó là bước đầu để hướng tới tính công khai, khi thông tin được phổ biến rộng rãi, bảo đảm việc tiếp cận dễ dàng cho công chúng. Công khai sẽ dẫn đến trách nhiệm giải trình, khi thông tin được chuyển hóa thành hành động hoặc cơ sở để

đánh giá, giám sát và thực thi trách nhiệm đối với các chủ thể liên quan².

Ở góc độ pháp lý, minh bạch là nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, được cụ thể hóa trong Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Trên bình diện quản trị công, minh bạch không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là công cụ kiểm soát quyền lực và nâng cao niềm tin của xã hội đối với bộ máy nhà nước³.

Các học giả về chính trị học hiện đại nhấn mạnh rằng, minh bạch không đơn thuần là “công khai hóa thông tin” mà là một quá trình chủ động cung cấp và đối thoại thông tin giữa Nhà nước và công dân⁴. Nhờ đó, minh bạch trở thành động lực cho trách nhiệm giải trình đa chiều giữa cơ quan nhà nước với Quốc hội, và giữa Quốc hội với cử tri.

Từ khung lý luận trên, có thể hiểu: tính minh bạch trong quản trị quốc gia được xác định bởi mức độ công khai, dễ hiểu và có thể kiểm chứng của thông tin, cũng như sự hiện diện của các cơ chế cho phép phản hồi và kiểm soát quyền lực công.

2.2. Bản chất và vai trò của hoạt động chất vấn

Hoạt động chất vấn (questioning hoặc interpellation) là một cơ chế giám sát điển hình của cơ quan lập pháp đối với cơ quan hành pháp, xuất phát từ mô hình Nghị viện Anh thế kỷ XVIII. Trong nền dân chủ đại diện, chất vấn là hình thức đối thoại công

¹ Hood, C. (2006), Transparency in historical perspective. In C. Hood & D. Heald (Eds.), *Transparency: The Key to Better Governance?* Oxford University Press.

² World Bank (2017), *World Development Report: Governance and the Law*, World Bank Publications, tr.248.

³ Phạm Thị Duyên Thảo (2023), *Quan điểm và giải pháp bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công cuộc kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*, Trang Thông tin điện tử Trường Cán bộ Thanh tra - Thanh tra Chính phủ (ngày 22/12/2023).

⁴ Meijer, A. (2013), Understanding the complex dynamics of transparency, *Public Administration Review*, 73(3), 429-439.

Stiglitz, J. E. (1999), “*On Liberty, the Right to Know, and Public Discourse: The Role of Transparency in Public Life*”, Paper presented as the 1999 Oxford Amnesty Lecture, Oxford, U.K.

khai giữa người được ủy quyền và người bị giám sát, qua đó thể hiện tính chịu trách nhiệm của Chính phủ trước Quốc hội⁵.

Ở Việt Nam, quyền chất vấn được hiến định tại Điều 80 Hiến pháp năm 2013, và được quy định chi tiết trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Theo đó, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các chức danh khác trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản về các vấn đề được cử tri quan tâm.

Bản chất của chất vấn không chỉ là một thủ tục giám sát, mà là hình thức thể hiện quyền lực chính trị của cơ quan lập pháp. Nó cho phép Quốc hội buộc cơ quan hành pháp phải công khai thông tin; yêu cầu giải trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ; và đánh giá trách nhiệm chính trị của người đứng đầu. Như vậy, chất vấn chính là biểu hiện cụ thể của minh bạch hóa hoạt động hành pháp.

Các nghiên cứu so sánh của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)⁶ chỉ ra rằng, ở những quốc gia có nền nghị viện phát triển như: Anh, Nhật Bản hoặc Hàn Quốc, hoạt động chất vấn là “bộ lọc thông tin chính sách” giúp chuyển thông tin từ Chính phủ sang công chúng. Tại Anh, phiên chất vấn Thủ tướng (Prime Minister’s Question Time) mỗi tuần là một nghi thức minh bạch, buộc Thủ tướng phải trực tiếp giải trình các vấn đề thời sự trước cử tri.

2.3. *Mối quan hệ giữa chất vấn và tính minh bạch*

Mối quan hệ giữa chất vấn và minh bạch có thể tiếp cận dưới ba chiều cạnh: thông tin, trách nhiệm giải trình và niềm tin công chúng.

Thứ nhất, về thông tin, chất vấn là quá trình “ép buộc công khai”, buộc người bị giám sát phải cung cấp thông tin cụ thể, chính xác và được ghi nhận công khai tại nghị trường⁷. Thông qua truyền hình trực tiếp và phương tiện truyền thông, chất vấn tạo ra dòng chảy thông tin hai chiều giữa cơ quan công quyền và xã hội.

Thứ hai, về trách nhiệm giải trình, theo Bovens (2007), minh bạch chỉ trở nên thực chất khi gắn với trách nhiệm giải trình (accountability). Chất vấn chính là cơ chế để chuyển “minh bạch hình thức” thành “minh bạch có trách nhiệm”, vì người bị chất vấn không chỉ cung cấp thông tin mà còn phải lý giải nguyên nhân và cam kết hành động⁸.

Thứ ba, về niềm tin công chúng, khi Quốc hội thực hiện chất vấn một cách công khai, nó củng cố hình ảnh về một bộ máy chính quyền chịu trách nhiệm trước dân, qua đó nâng cao niềm tin xã hội⁹. Ngược lại, nếu chất vấn chỉ dừng ở hình thức, tính minh bạch sẽ suy giảm và niềm tin công chúng bị bào mòn.

Mối quan hệ này có tính hai chiều: minh bạch giúp chất vấn trở nên hiệu quả, và chất vấn ngược lại là công cụ duy trì minh bạch. Do đó, có thể xem chất vấn là biểu hiện động của minh bạch trong cơ chế nghị viện.

⁵ Norton, P. (1993), *Does Parliament Matter?* Harvester Wheatsheaf.

Judge, D. (1993), *The Parliamentary State*, Sage Publications.

⁶ UNDP (2012), *Global Parliamentary Report: The changing nature of parliamentary representation*.

⁷ Birkinshaw, P. (2006), *Transparency as a human right*, In C. Hood & D. Heald (Eds.), *Transparency: The Key to Better Governance?* Oxford University Press.

⁸ Bovens, M. (2007), *Analysing and assessing accountability: A conceptual framework*. *European Law Journal*, 13(4), 447–468.

⁹ Schedler, A. (1999), *Conceptualizing accountability*, In A. Schedler, L. Diamond, & M. Plattner (Eds.), *The Self-Restraining State: Power and Accountability in New Democracies* (pp. 13–28). Lynne Rienner Publishers.

Từ khung lý luận trên, có thể rút ra hai luận điểm định hướng:

Một là, hoạt động chất vấn là điều kiện thể chế hóa minh bạch trong quản trị quốc gia. Bằng việc buộc cơ quan hành pháp phải đối thoại, giải trình, Quốc hội thực hiện chức năng công khai, minh bạch hóa thông tin, đây là điều kiện cốt lõi của quản trị tốt.

Hai là, mức độ minh bạch trong hoạt động chất vấn phản ánh trình độ dân chủ nghị viện và năng lực giám sát của Quốc hội. Khi quy trình chất vấn được thiết kế khoa học, minh bạch sẽ trở thành sản phẩm tất yếu của cơ chế kiểm soát quyền lực.

3. Thực tiễn chất vấn ở Việt Nam và tác động đến tính minh bạch

3.1. Quá trình phát triển hoạt động chất vấn ở Việt Nam

Ở Việt Nam, quyền chất vấn được ghi nhận lần đầu trong Hiến pháp năm 1946 (Điều 55), khẳng định vai trò của Quốc hội (khi đó là Nghị viện nhân dân) trong việc giám sát hoạt động của Chính phủ. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1946-1986, hoạt động này ít được triển khai do điều kiện chiến tranh và cơ cấu tổ chức tập trung.

Bước ngoặt diễn ra từ thời kỳ Đổi mới, đặc biệt sau khi Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 được ban hành, trong đó quyền chất vấn được quy định cụ thể hơn¹⁰. Từ năm 1994, các phiên chất vấn và trả lời chất vấn đã trở thành một phần nổi bật trong kỳ họp Quốc hội, được truyền hình, phát thanh trực tiếp, thu hút sự quan tâm rộng rãi của công chúng. Đây là giai đoạn chất vấn bắt đầu mang tính đối thoại chính trị công khai.

Từ Hiến pháp năm 2013 và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng

nhân dân năm 2015, cơ chế chất vấn được thể chế hóa đầy đủ hơn, mở rộng đối tượng bị chất vấn và tăng cường cơ chế theo dõi sau chất vấn. Gần đây, việc áp dụng hình thức chất vấn tại phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã làm cho hoạt động này linh hoạt và liên tục hơn.

Như vậy, quá trình phát triển của hoạt động chất vấn ở Việt Nam phản ánh xu hướng nâng cao tính công khai, tính trách nhiệm và tính liên tục trong giám sát quyền lực nhà nước, vốn là những yếu tố cốt lõi của minh bạch hóa quản trị quốc gia.

3.2. Thực trạng hoạt động chất vấn hiện nay

Theo thông kê của Văn phòng Quốc hội, trong nhiệm kỳ XV (2021-2026), Quốc hội đã tiến hành 8 phiên chất vấn toàn thể và nhiều phiên chất vấn tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các phiên này tập trung vào những lĩnh vực “nóng” như y tế, giáo dục, tài chính, xây dựng, giao thông vận tải, khoa học công nghệ...

Về hình thức và quy trình, các phiên chất vấn hiện nay tuân thủ nguyên tắc trực tiếp, công khai và truyền thông rộng rãi. Mỗi đại biểu có 1 phút để đặt câu hỏi, người bị chất vấn trả lời trong 3 phút, sau đó đại biểu có thể tranh luận lại. Việc rút ngắn thời gian nhưng tăng lượt chất vấn giúp mở rộng phạm vi vấn đề được nêu.

Về đối tượng bị chất vấn, ngoài Thủ tướng và các Bộ trưởng, Quốc hội còn mở rộng sang lĩnh vực tư pháp, bao gồm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Điều này thể hiện nỗ lực tăng cường tính toàn diện của giám sát.

Về nội dung chất vấn, chủ đề ngày càng gắn với các vấn đề dân sinh và cải cách thể

¹⁰ Bùi Ngọc Thanh, “Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội và phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”, Tạp chí Cộng sản, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/825784/view_content.

chế. Ví dụ, tại kỳ họp thứ 4 (năm 2022), các đại biểu tập trung chất vấn Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong hoạt động giao dịch, huy động vốn, kinh doanh bất động sản. Tại kỳ họp thứ 8 (năm 2024), nội dung chất vấn Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xoay quanh việc điều hành chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát, công tác quản lý nhà nước về thị trường vàng, thị trường ngoại hối, công tác hỗ trợ vay vốn và miễn, giảm lãi suất cho người dân, doanh nghiệp để phục hồi sản xuất, kinh doanh sau dịch Covid-19 và thiên tai.

Về công tác giám sát sau chất vấn, sau mỗi phiên, Quốc hội ban hành Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn, yêu cầu các bộ, ngành thực hiện cam kết. Ủy ban Thường vụ Quốc hội định kỳ xem xét báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết, thể hiện rõ cơ chế hậu giám sát, đặc trưng của minh bạch có trách nhiệm (responsive transparency) so với minh bạch hình thức¹¹.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, Quốc hội vẫn chưa thể hiện trách nhiệm đeo đuổi đến cùng với vấn đề chất vấn. Nhiều vấn đề xã hội trọng tâm dù được đưa ra chất vấn nhiều lần nhưng vẫn chưa được giải quyết triệt để, khiến cử tri không hài lòng¹².

3.3. Tác động của hoạt động chất vấn đối với minh bạch trong quản trị quốc gia

Thứ nhất, chất vấn giúp minh bạch thông tin

Chất vấn là hình thức công khai hóa thông tin chính sách mạnh mẽ nhất trong đời sống nghị viện. Việc truyền hình trực tiếp các phiên

chất vấn không chỉ giúp cử tri nắm bắt tình hình quản lý nhà nước mà còn khiến người đứng đầu cơ quan hành pháp phải chịu “sức ép công khai”. Từ đó, Quốc hội trở thành cầu nối thông tin chính thức giữa Nhà nước và Nhân dân.

Các báo cáo về dư luận xã hội cho thấy, sau mỗi phiên chất vấn, lượng thông tin chính sách được công khai tăng đáng kể, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như y tế, giáo dục, tài chính công. Các dữ liệu từng ít được nhắc tới trên truyền thông được trình bày, thảo luận và ghi nhận công khai¹³.

Thứ hai, chất vấn giúp tăng cường trách nhiệm giải trình

Khi bị chất vấn, các thành viên Chính phủ không chỉ cung cấp thông tin mà còn phải lý giải nguyên nhân và đưa ra cam kết hành động cụ thể. Đây là bước chuyển từ “minh bạch hình thức” sang “minh bạch có trách nhiệm”.

Một ví dụ điển hình là phiên chất vấn Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tháng 11/2022 về tiến độ cao tốc Bắc - Nam, các câu hỏi liên tục của đại biểu đã buộc Bộ trưởng phải công bố kế hoạch chi tiết, thời hạn cụ thể về dự án này¹⁴.

Thứ ba, chất vấn giúp củng cố niềm tin công chúng

Theo các báo cáo về công tác thông tin, tuyên truyền sau các phiên chất vấn, phần lớn cử tri đánh giá các phiên chất vấn là “thẳng thắn và có ích”, trong đó nhiều cử tri cho rằng, phiên chất vấn “đã giúp hiểu rõ hơn về trách nhiệm của cơ quan nhà nước”.

¹¹ OECD (2014), *Accountability and Democratic Governance: Orientations and Principles for Development*.

¹² Nguyễn Đức Giang (2022), *Một số vấn đề về chất vấn của đại biểu Quốc hội ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước (ngày 7/6/2022).

¹³ Văn phòng Quốc hội (2025), Báo cáo tổng hợp dư luận báo chí, mạng xã hội về phiên chất vấn và trả lời chất vấn Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, ngày 20/6/2025.

¹⁴ Báo Lao động (2022), Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Văn Thể trả lời chất vấn trước Quốc hội, ngày 9/6/2022.

Điều này phản ánh tác động tích cực của chất vấn trong việc củng cố niềm tin xã hội, một chỉ báo quan trọng của minh bạch.

Tác động của chất vấn tới minh bạch, do đó, không chỉ dừng ở truyền thông chính trị mà còn góp phần tạo văn hóa giải trình trong nền hành chính Việt Nam, thúc đẩy sự thay đổi hành vi của cán bộ, công chức.

3.4. Một số hạn chế

Mặc dù đạt nhiều kết quả, hoạt động chất vấn tại Việt Nam vẫn tồn tại một số hạn chế cản trở mục tiêu minh bạch hóa:

Một là, nội dung chất vấn còn thiên về quản lý sự vụ, thiếu tính chính sách dài hạn. Một số đại biểu ngại nêu vấn đề “nhạy cảm”, dẫn đến phạm vi thảo luận còn hẹp.

Hai là, thiếu cơ chế giám sát độc lập sau chất vấn. Việc đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết chủ yếu dựa trên báo cáo của các bộ, ngành, thiếu cơ quan xác minh độc lập.

Ba là, chưa phát huy hết vai trò của báo chí trong việc lan tỏa thông tin và giám sát kết quả sau chất vấn. Dù các phiên họp được truyền hình trực tiếp, việc phân tích, tổng hợp và phản biện của báo chí vẫn còn mỏng.

Các hạn chế trên cho thấy hoạt động chất vấn vẫn cần tiếp tục đổi mới, hướng tới tăng tính “truy đuổi” trách nhiệm và hậu minh bạch, để phát huy tối đa vai trò của Quốc hội trong kiểm soát quyền lực và củng cố niềm tin công chúng.

3.5. Các thách thức trong thực tiễn hoạt động chất vấn

Mặc dù hoạt động chất vấn của Quốc hội Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ, song vẫn tồn tại những hạn chế mang tính cấu trúc, cản trở mục tiêu nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các thách thức này có thể được chia thành bốn nhóm chính:

Thứ nhất, thách thức về thể chế và khuôn khổ pháp lý

Hiện nay, quyền chất vấn được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Tuy nhiên, các quy định vẫn còn thiếu tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với người trả lời chất vấn. Luật chưa quy định rõ chế tài nếu người bị chất vấn không trả lời đầy đủ, hoặc nếu cam kết sau chất vấn không được thực hiện.

Thứ hai, thách thức về tổ chức và quy trình thực hiện

Dù quy trình chất vấn đã được cải tiến, song vẫn bộc lộ một số điểm yếu: thời lượng mỗi đại biểu chỉ có 1 phút để nêu câu hỏi khiến nhiều vấn đề chưa được khai thác đến cùng; việc lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn còn chưa thực sự bảo đảm bao quát các vấn đề thời sự.

Ngoài ra, chưa có cơ chế giám sát hậu chất vấn hiệu quả. Sau khi nghị quyết về chất vấn được ban hành, việc theo dõi chủ yếu dựa vào báo cáo của cơ quan hành pháp, thiếu một hệ thống giám sát độc lập hoặc công cụ đánh giá định lượng.

Thứ ba, thách thức về năng lực và kỹ năng của đại biểu Quốc hội

Hiện nay, khoảng 30-35% đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, còn lại kiêm nhiệm nhiều công việc hành chính. Điều này ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin cho hoạt động chất vấn. Việc chuẩn bị câu hỏi còn mang tính tự phát, thiếu nền tảng phân tích chính sách hoặc dữ liệu độc lập.

Bên cạnh đó, kỹ năng phản biện và tranh luận chính sách của một bộ phận đại biểu chưa cao, khiến các phiên chất vấn đôi khi thiên về “đặt câu hỏi - trả lời” hơn là “trao đổi - truy vấn - phản biện chính sách”.

Thứ tư, thách thức về môi trường công khai và tương tác xã hội

Dù các phiên chất vấn được truyền hình trực tiếp, nhưng việc lan tỏa thông tin sau phiên họp vẫn còn hạn chế. Các báo cáo, biên bản và nghị quyết chất vấn ít được công khai dưới dạng dữ liệu mở. Báo chí thường chỉ phản ánh nội dung “nổi bật”, chưa có nhiều phân tích chuyên sâu. Điều này khiến công chúng khó theo dõi tiến trình thực hiện cam kết, làm giảm hiệu ứng xã hội của tính minh bạch.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chất vấn của Quốc hội Việt Nam

Hoạt động chất vấn là công cụ giám sát quyền lực cốt lõi của Quốc hội, thể hiện rõ tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu lực quản trị công. Tuy nhiên, như đã phân tích, hoạt động này ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế về thể chế, tổ chức, năng lực và công khai thông tin. Vì vậy, việc đề xuất giải pháp không chỉ nhằm khắc phục những khiếm khuyết hiện tại, mà còn hướng đến hoàn thiện cơ chế giám sát dân chủ, tăng cường niềm tin công chúng và tiệm cận chuẩn mực nghị viện hiện đại¹⁵.

4.1. Nhóm giải pháp về thể chế và khuôn khổ pháp lý

Trước hết, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động chất vấn, bảo đảm rõ ràng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cả bên chất vấn và bên trả lời. Mặc dù Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 đã quy định tương đối đầy đủ, song vẫn thiếu các điều khoản ràng buộc hậu quả pháp lý khi người bị chất vấn không trả lời đúng hạn, trả lời không đầy đủ hoặc không thực hiện cam kết sau chất vấn.

Do đó, cần sửa đổi và bổ sung luật theo hướng: xác định rõ chế tài đối với các trường hợp vi phạm quy trình chất vấn, bao gồm khiển trách, công khai kết quả thực hiện, hoặc đưa vào căn cứ xem xét tín nhiệm; quy định rõ “chu kỳ chất vấn” với thời hạn cụ thể cho từng giai đoạn từ nộp câu hỏi đến trả lời.

Đồng thời, Quốc hội cần thể chế hóa cơ chế “hậu giám sát” bằng việc tăng cường việc thực hiện nhiệm vụ này của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát. Cơ quan này có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành cam kết của các bộ, ngành, đồng thời công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử Quốc hội. Việc luật hóa cơ chế này sẽ đưa hoạt động chất vấn từ mức “minh bạch hình thức” sang “minh bạch có trách nhiệm”.

Bên cạnh đó, cần xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng trả lời chất vấn, bao gồm: mức độ đúng trọng tâm, độ đầy đủ thông tin, tính khả thi của cam kết và tiến độ thực hiện. Các tiêu chí này sẽ là công cụ định lượng giúp nâng cao tính khách quan và nhất quán trong giám sát nghị trường.

4.2. Nhóm giải pháp về tổ chức và quy trình hoạt động chất vấn

Cùng với việc hoàn thiện thể chế, việc đổi mới phương thức tổ chức chất vấn là yếu tố quyết định để tăng tính hiệu quả. Thực tiễn cho thấy, hiện nay, các phiên chất vấn ở Việt Nam vẫn còn mang nặng tính hành chính, thời gian dành cho tranh luận hạn chế.

Trước hết, cần tăng thời lượng trao đổi thực chất tại nghị trường. Theo mô hình “đổi thoại nhanh” (short questioning time) ở Anh và Nhật Bản, các phiên chất vấn nên ưu tiên hình thức hỏi đáp ngắn, đa chiều, và liên tục truy vấn đến cùng một chủ đề. Điều này vừa

¹⁵ OECD (2014), *Accountability and Democratic Governance: Orientations and Principles for Development*.

tránh dàn trải, vừa buộc người trả lời phải tập trung vào trọng tâm, đồng thời tăng sức hấp dẫn truyền thông của nghị trường.

Bên cạnh đó, việc chuẩn hóa quy trình tiên chất vẫn là cần thiết. Đại biểu nên gửi đề xuất lĩnh vực chất vấn ít nhất 20 ngày trước kỳ họp, để Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thời gian tổng hợp, phân loại và công bố công khai danh mục chủ đề cũng như người trả lời. Điều này giúp tăng tính minh bạch và tạo điều kiện cho báo chí, cử tri theo dõi sát nội dung nghị trường.

Để tăng tính thuyết phục và độ sâu của lập luận, mỗi phiên chất vấn cần có hồ sơ dữ liệu chính sách do Văn phòng Quốc hội chuẩn bị, bao gồm số liệu cập nhật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và đánh giá độc lập từ các cơ quan chuyên môn. Việc cung cấp thông tin chuẩn xác, đa nguồn, đa chiều giúp nâng cao chất lượng tranh luận và giảm tình trạng “đổi đáp cảm tính”.

Đặc biệt, nên thiết lập cơ chế chất vấn thường xuyên hơn nữa tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các phiên này không chỉ là bước “lọc” trước khi ra nghị trường, mà còn là hình thức giám sát liên tục giữa hai kỳ họp, bảo đảm hoạt động chất vấn trở thành quy trình thường xuyên chứ không phải sự kiện thời điểm. Kết quả các phiên chất vấn này cần được công bố và lưu trữ dưới dạng dữ liệu mở để người dân và báo chí có thể theo dõi.

4.3. Nhóm giải pháp về năng lực, tính chuyên nghiệp và chế tài trách nhiệm

Hiệu quả chất vấn phụ thuộc rất lớn vào năng lực, bản lĩnh và kỹ năng của đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, hiện tỷ lệ đại biểu chuyên trách mới đạt khoảng 30-35%. Cần

nâng tỷ lệ đại biểu chuyên trách lên tối thiểu 50% theo khuyến nghị của Liên minh Nghị viện thế giới¹⁶, đồng thời tăng cường đào tạo kỹ năng phản biện chính sách, đặt câu hỏi chiến lược và sử dụng chứng cứ. Mỗi nhiệm kỳ, Quốc hội nên tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề, mời chuyên gia độc lập, giảng viên đại học hoặc tổ chức quốc tế chia sẻ kinh nghiệm. Việc bồi dưỡng này sẽ giúp các đại biểu chuyển từ phong cách “hỏi để biết” sang “hỏi để truy vấn trách nhiệm”.

Song song với đào tạo, cần thiết lập cơ chế hỗ trợ chuyên môn cho đại biểu thông qua đội ngũ cố vấn chính sách ngắn hạn. Đây là mô hình đã được áp dụng ở nhiều nước Bắc Âu, nơi nghị sĩ có quyền thuê chuyên gia phân tích chính sách hoặc luật sư để hỗ trợ soạn câu hỏi chất vấn.

Ngoài ra, để củng cố tính ràng buộc trách nhiệm, Quốc hội cần tăng cường công cụ chế tài chính trị. Nếu Bộ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan hành pháp không thực hiện đúng cam kết trong nghị quyết chất vấn, Quốc hội có thể kích hoạt cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm theo vụ việc hoặc yêu cầu báo cáo giải trình trước Ủy ban chuyên môn. Việc áp dụng cơ chế “tín nhiệm động” này sẽ giúp gắn kết hoạt động chất vấn với quản trị trách nhiệm thực chất.

4.4. Nhóm giải pháp về minh bạch thông tin và tương tác công chúng

Cuối cùng, tính minh bạch của hoạt động chất vấn không chỉ được thể hiện qua nội dung hỏi đáp, mà còn ở mức độ công khai và phản hồi sau kỳ họp. Hiện nay, các biên bản và nghị quyết sau chất vấn vẫn chủ yếu được lưu hành nội bộ, trong khi báo chí và công chúng chỉ tiếp cận qua bản tin tóm tắt.

(Xem tiếp trang 45)

¹⁶ Inter-Parliamentary Union (IPU) (2022), Global Parliamentary Report: Public engagement in the work of parliament, Geneva.